

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOC KỲ 5

MÃ HỌC PHẦN : CIE - 322 TÍN CHỈ 1

Ngày thi: LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	102211833	PHAN NGOC	THÀNH	K14XDD1	9				10				5.5	7.3	Baý pháy Ba		
2	132214406	BÙI VIỆT	ANH	K14XDD1	0				0				V	0.0	Khăng		
3	132214439	LÊ QUỐC	DƯƠNG	K14XDD1	8				8				3.5	0.0	Khăng		
4	132214634	PHẠM QUỐC	HUY	K14XDD1	0				0				V	0.0	Khăng		
5	142131159	HỒ CÔNG TUẤN	VŨ	K14XDD1	8				9				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
6	142211174	NGUYỄN TUẤN	ANH	K14XDD1	10				10				3.5	0.0	Khăng		
7	142211178	TRƯƠNG VĂN	BÁCH	K14XDD1	10				10				7.5	8.6	Tầm pháy Sầu		
8	142211184	TÔNG VĂN	BÌNH	K14XDD1	10				10				6.5	8.1	Tầm pháy Mất		
9	142211190	NGÔ NGOC	CHÍNH	K14XDD1	10				10				3.5	0.0	Khăng		
10	142211196	MAI XUÂN	DANH	K14XDD1	10				9.5				5.5	7.4	Baý pháy Bẩu		
11	142211209	TRẦN NGOC	DUY	K14XDD1	10				10				7	8.4	Tầm pháy Bẩu		
12	142211212	LÊ TRUNG	HIẾU	K14XDD1	10				9.5				5.5	7.4	Baý pháy Bẩu		
13	142211215	NGUYỄN QUANG	HÒA	K14XDD1	10				9.5				8	8.8	Tầm pháy Tầm		
14	142211218	NGUYỄN TRƯỜNG	HỘI	K14XDD1	10				9.5				7	8.2	Tầm pháy Hai		
15	142211221	PHẠM TÂN	HỮU	K14XDD1	10				10				6.5	8.1	Tầm pháy Mất		
16	142211226	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K14XDD1	10				10				5	7.3	Baý pháy Ba		
17	142211230	VŨ NGOC	KHƯƠNG	K14XDD1	10				10				8	8.9	Tầm pháy Chèn		
18	142211233	ĐINH HỮU	LINH	K14XDD1	10				10				7	8.4	Tầm pháy Bẩu		
19	142211241	HỒ CHÍ	NAM	K14XDD1	7				8				3.5	0.0	Khăng		
20	142211250	TRẦN NGOC	PHÚ	K14XDD1	10				9				3.5	0.0	Khăng		
21	142211254	TRẦN HUỖNH	PHƯƠNG	K14XDD1	10				9				6	7.6	Baý pháy Sầu		
22	142211259	VÕ VĂN	QUỐC	K14XDD1	10				9				7.5	8.4	Tầm pháy Bẩu		
23	142211267	CHUNG QUÍ	TÂN	K14XDD1	8				8				6.5	7.2	Baý pháy Hai		
24	142211270	HỒ MINH	THẮNG	K14XDD1	10				9				4.5	6.7	Sầu pháy Baý		
25	142211280	HUỖNH	THIỆN	K14XDD1	10				9				5	7.0	Baý		
26	142211283	NGUYỄN MẬU	THÔNG	K14XDD1	10				9				6	7.6	Baý pháy Sầu		
27	142211289	PHAN ĐỨC	TIN	K14XDD1	8				8				5	6.4	Sầu pháy Bẩu		
28	142211292	NGUYỄN VĂN	TOÀN	K14XDD1	10				9				3.5	0.0	Khăng		
29	142211295	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	K14XDD1	10				9				6.5	7.8	Baý pháy Tầm		
30	142211298	BÙI TRỌNG	TUẤN	K14XDD1	10				9				6	7.6	Baý pháy Sầu		
31	142211305	VĂN ĐÌNH	TƯƠNG	K14XDD1	10				9				5	7.0	Baý		
32	142211308	LÊ QUỐC	VIỆT	K14XDD1	9				9				6	7.4	Baý pháy Bẩu		
33	142211311	TRẦN TÂN	VIỆT	K14XDD1	10				9				6.5	7.8	Baý pháy Tầm		
34	142211316	LÝ HOÀNG	VŨ	K14XDD1	9				9				5.5	7.1	Baý pháy Mất		
35	142211320	HỒ MINH	VƯƠNG	K14XDD1	9				9				7	7.9	Baý pháy Chèn		
36	142251577	TRƯƠNG BẢO	TRUNG	K14XDD1	10				9				4.5	6.7	Sầu pháy Baý		
37	142332143	NGUYỄN THÁI	DŨNG	K14XDD1	10				9				3.5	0.0	Khăng		
38	132214617	ĐỖ MAI HOÀNG	VIN	K14XDD1	10				10				4.5	7.0	Baý		
39	132214441	HOÀNG ĐỨC	GIỚI	K14XDD1	10				9				4.5	6.7	Sầu pháy Baý		
40	132214526	NGUYỄN ĐOÀN	PHƯƠNG	K14XDD2	10				9.5				3.5	0.0	Khăng		

Ngày thi:

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	132214570	GIANG TÂN	THUẬN	K14XDD2	9				9.5				V	0.0	Khăng		
42	142211172	BÙI TRƯỜNG	AN	K14XDD2	10				9.5				5	7.1	Báý pháý Mắù		
43	142211175	TRẦN TUẤN	ANH	K14XDD2	9				9.5				3.5	0.0	Khăng		
44	142211181	NGUYỄN PHẠM QUỐC	BẢO	K14XDD2	10				9.5				7	8.2	Tẳm pháý Hai		
45	142211187	LÊ VIỆT	CẢNH	K14XDD2	10				9.5				6	7.7	Báý pháý Báý		
46	142211191	NGUYỄN TÂN	CHUẨN	K14XDD2	9				9.5				6	7.5	Báý pháý Nằm		
47	142211194	PHẠM ANH	CƯỜNG	K14XDD2	9				9.5				5	6.9	Sầù pháý Chền		
48	142211197	BÙI QUỐC	ĐẠT	K14XDD2	9				9.5				6.5	7.8	Báý pháý Tẳm		
49	142211203	TRẦN ĐÌNH	ĐỨC	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
50	142211213	TRƯƠNG QUANG	HIẾU	K14XDD2	10				9.5				7.5	8.5	Tẳm pháý Nằm		
51	142211216	LÊ NGỌC ANH	HOÀI	K14XDD2	10				9.5				6.5	8.0	Tẳm		
52	142211219	NGUYỄN VĂN	HÙNG	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
53	142211222	TRẦN ĐÌNH	HUY	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
54	142211228	LÊ	KHOA	K14XDD2	10				9.5				6.5	8.0	Tẳm		
55	142211231	VĂN NGỌC	LAI	K14XDD2	10				9.5				6	7.7	Báý pháý Báý		
56	142211242	NGUYỄN VĂN	NAM	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
57	142211247	BÙI HỒNG	NHẬT	K14XDD2	9				9				7	7.9	Báý pháý Chền		
58	142211252	PHAN TÂN UYÊN	PHƯỚC	K14XDD2	10				9.5				4.5	6.9	Sầù pháý Chền		
59	142211256	PHẠM VĂN	QUỐC	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
60	142211260	ĐOÀN THỊ NGỌC	QUÝ	K14XDD2	10				9				6	7.6	Báý pháý Sầù		
61	142211264	NGUYỄN HỮU HOÀI	SƠN	K14XDD2	9				9.5				6	7.5	Báý pháý Nằm		
62	142211268	LÊ HỮU	TÂN	K14XDD2	10				9.5				6.5	8.0	Tẳm		
63	142211278	NGUYỄN ĐÌNH	THẢO	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
64	142211281	LƯU ĐỨC	THIỆN	K14XDD2	10				9.5				6.5	8.0	Tẳm		
65	142211290	LÊ BÁ	TÍN	K14XDD2	10				9.5				3.5	0.0	Khăng		
66	142211293	PHẠM MINH	TOÀN	K14XDD2	10				9.5				3.5	0.0	Khăng		
67	142211296	TÔNG THÀNH	TRUNG	K14XDD2	10				9.5				6	7.7	Báý pháý Báý		
68	142211299	HÀ ANH	TUẤN	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
69	142211303	NGUYỄN THANH	TUẤN	K14XDD2	10				9.5				5.5	7.4	Báý pháý Bắù		
70	142211309	NGÔ QUỐC	VIỆT	K14XDD2	10				9.5				4.5	6.9	Sầù pháý Chền		
71	142211312	TRƯƠNG VĂN	VIỆT	K14XDD2	9				9.5				5	6.9	Sầù pháý Chền		
72	142211317	NGUYỄN BÁ TUẤN	VŨ	K14XDD2	9				9.5				6	7.5	Báý pháý Nằm		
73	142211321	LÊ CÔNG TRƯỜNG	XUÂN	K14XDD2	10				9.5				4.5	6.9	Sầù pháý Chền		
74	142221365	ĐỖ NGỌC	TÌNH	K14XDD2	10				9.5				4.5	6.9	Sầù pháý Chền		
75	142332177	TRƯƠNG QUANG	KỶ	K14XDD2	10				9.5				7.5	8.5	Tẳm pháý Nằm		
76	132214600	NGUYỄN ĐĂNG	TUẤN	K14XDD3	7				9				5	6.4	Sầù pháý Bắù		
77	142211173	NGUYỄN NHƯ	AN	K14XDD3	10				9				8	8.7	Tẳm pháý Báý		
78	142211177	NGUYỄN VĂN HOÀNG	BÁCH	K14XDD3	10				9				7	8.1	Tẳm pháý Mắù		
79	142211183	PHẠM THANH	BÌNH	K14XDD3	10				10				7	8.4	Tẳm pháý Bắù		
80	142211189	LÊ QUỐC	CHÍNH	K14XDD3	10				9				7	8.1	Tẳm pháý Mắù		
81	142211192	NGUYỄN NHƯ	CƯỜNG	K14XDD3	10				9				7.5	8.4	Tẳm pháý Bắù		
82	142211199	ĐẶNG NGỌC	ĐỨC	K14XDD3	10				9				7.5	8.4	Tẳm pháý Bắù		
83	142211204	LÊ QUANG	DŨNG	K14XDD3	10				9				7	8.1	Tẳm pháý Mắù		

Ngày thi:

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
84	142211207	PHAN HOÀNG	DŨNG	K14XDD3	10				9				5.5	7.3	Baý pháý Ba		
85	142211211	HOÀNG QUANG	HẢO	K14XDD3	9				9				6	7.4	Baý pháý Bảứ		
86	142211214	NGUYỄN KHÁNH	HÒA	K14XDD3	10				10				7.5	8.6	Tảỉn pháý Sảủ		
87	142211217	TRẦN THẾ	HOÀNG	K14XDD3	10				10				5.5	7.5	Baý pháý Nảỉm		
88	142211220	NGUYỄN NGUYỄN	HƯNG	K14XDD3	10				9				8	8.7	Tảỉn pháý Baý		
89	142211224	NGUYỄN NGỌC	HUỠNH	K14XDD3	10				9				8.5	8.9	Tảỉn pháý Chẻn		
90	142211232	ĐOÀN TẤN	LẬP	K14XDD3	10				10				6	7.8	Baý pháý Tảỉn		
91	142211239	NGUYỄN PHI	MINH	K14XDD3	10				10				8	8.9	Tảỉn pháý Chẻn		
92	142211244	LÊ QUỐC	NGHĨA	K14XDD3	9				9				7	7.9	Baý pháý Chẻn		
93	142211248	NGUYỄN THANH	NHỨT	K14XDD3	10				9				7.5	8.4	Tảỉn pháý Bảứ		
94	142211253	ĐỖ TRUNG	PHƯƠNG	K14XDD3	10				10				7.5	8.6	Tảỉn pháý Sảủ		
95	142211257	TRẦN VĂN	QUỐC	K14XDD3	9				8				7	7.7	Baý pháý Baý		
96	142211265	NGUYỄN KHÁNH	SƠN	K14XDD3	10				8				7	7.9	Baý pháý Chẻn		
97	142211269	NGUYỄN QUANG	THÁI	K14XDD3	9				8				6	7.1	Baý pháý Mảủ		
98	142211274	ĐÌNH CÔNG	THÀNH	K14XDD3	10				7				6	7.1	Baý pháý Mảủ		
99	142211279	NGUYỄN HỒNG	THI	K14XDD3	9				8				6	7.1	Baý pháý Mảủ		
100	142211282	VY VĂN	THỜI	K14XDD3	10				7				8	8.2	Tảỉn pháý Hảỉ		
101	142211286	NGUYỄN QUANG	THUẬN	K14XDD3	10				8				5.5	7.0	Baý		
102	142211291	LÊ VĂN	TOÀN	K14XDD3	10				8				7	7.9	Baý pháý Chẻn		
103	142211297	VÔ VĂN	TUẤN	K14XDD3	10				8				8.5	8.7	Tảỉn pháý Baý		
104	142211300	NGUYỄN ANH	TUẤN	K14XDD3	10				7				6.5	7.3	Baý pháý Ba		
105	142211304	NGUYỄN SƠN	TÙNG	K14XDD3	10				7				7	7.6	Baý pháý Sảủ		
106	142211307	NGUYỄN THÀNH	VĂN	K14XDD3	10				7				6	7.1	Baý pháý Mảủ		
107	142211310	NGUYỄN DUY	VIỆT	K14XDD3	10				8				7.5	8.1	Tảỉn pháý Mảủ		
108	142211315	LƯU VĂN	VŨ	K14XDD3	10				7				8	8.2	Tảỉn pháý Hảỉ		
109	142211319	ĐOÀN NGỌC VIỆT	VƯƠNG	K14XDD3	9				8				7	7.7	Baý pháý Baý		
110	142214458	HUỠNH NGUYỄN	KHOA	K14XDD3	10				8				7	7.9	Baý pháý Chẻn		
111	142214795	NGUYỄN VƯƠNG	THẠCH	K14XDD3	10				8				6.5	7.6	Baý pháý Sảủ		
112	142221370	PHẠM SƠN	TÙNG	K14XDD3	10				8				6.5	7.6	Baý pháý Sảủ		
1	0105	HỒ SỸ	GIANG	K11XD	10				10				6.5	8.0	Tảỉn		
2	1560	NGUYỄN NGỌC	ĐIỀN	K12XCD	10				9				4	6.0	Sảủ		
3	1830	PHẠM ANH	ĐỨC	K12XDC	10				9				5.5	7.3	Baý pháý Ba		
4	4783	PHAN NHẬT	QUANG	K13XDD	10				10				5.5	7.5	Baý pháý Nảỉm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	102	88%	
2	Số sinh viên nợ	14	12%	
TỔNG CỘNG :		116	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 11 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thi:

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ
				20				25				55	100	

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú